

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2518 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 11 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Công văn số 5836/VPCP-KSTT ngày 11/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn công bố, công khai; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ.;

Căn cứ Kế hoạch 245/KH-UBND ngày 14/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6856/TTr-SNNMT ngày 08/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ tại: Mục III (Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Mục VIII (Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường) Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và Phần II (Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của UBND tỉnh Nghệ An) công bố tại Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Nghệ

An; tiểu mục VI (Lĩnh vực lâm nghiệp), Mục A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và Phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ) công bố tại Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Bãi bỏ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3171/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp kiểm lâm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND tỉnh Nghệ An; số 2204/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành về lĩnh vực lâm nghiệp kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đ/c Đệ);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiên);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th).

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ.**

(Kèm theo Quyết định số 2518 /QĐ-UBND ngày 11 / 6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH					
1	5.000114. Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập khu rừng đặc dụng: 23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
2	5.000116. Thành lập khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập khu rừng phòng hộ: 23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	Điều 5 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
3	5.000117. Đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đóng	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	Điều 9 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 33 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	cửa rừng tự nhiên là: 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan	qua môi trường điện tử.			
4	5.000118 Phê duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phê duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là: 28 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	- Nghị định số 156/2018/ ND-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ ND-CP, Nghị định số 183/2025/ ND-CP và Nghị định số 227/2025/ ND-CP; - Nghị định số 42/2026/ND-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
5	5.000976 Phê duyệt phương án đấu giá và giá khởi điểm cho thuê rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phê duyệt phương án đấu giá và giá khởi điểm cho thuê rừng là: 10 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	- Nghị định số 156/2018/ ND-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ ND-CP, Nghị định số 183/2025/ ND-CP và Nghị định số 227/2025/ ND-CP;

						- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
6	1.012691 Thu hồi rừng đối với trường hợp đã thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc Thu hồi rừng đối với trường hợp đã thu hồi đất là: 10 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ						
1	5.000980 Phê duyệt phương án đấu giá và giá khởi điểm cho thuê rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và phê duyệt phương án đấu giá và giá khởi điểm cho thuê rừng của chủ tịch UBND xã, phường là: 10 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một



						số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
2	1.012695 Thu hồi rừng đối với trường hợp đã thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn kiểm tra hồ sơ và quyết định Thu hồi rừng đối với trường hợp đã thu hồi đất của chủ tịch UBND xã, phường là: 10 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã).	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Công văn số: 6790 /UBND-NC ngày 11 /6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hình thức khen thưởng/Danh hiệu thi đua	Tên đối tượng được khen thưởng	Quê quán/chức vụ đơn vị công tác	Số quyết định khen thưởng	Ngày tháng năm Quyết định	Số sổ vàng	Họ tên người ký bằng	Đơn vị trình khen	Hiện vật đề nghị cấp lại	Lý do cấp lại
1	Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì	Ông Lô Đình Thu	Xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An)	29/QĐ-CTN	21/01/1999	32	Đ/c Trần Đức Lương	UBND tỉnh Nghệ An	Bằng/ Huy hiệu	Bị mất hiện vật gốc
2	Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Ba	Bà Nguyễn Thị Lâm	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An)	110/KT-CTN	02/3/2001	553	Đ/c Trần Đức Lương	UBND tỉnh Nghệ An	Bằng/ Huy hiệu	Bị mất hiện vật gốc
3	Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất	Ông Nguyễn Hữu Pho	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh	18/KT-HĐNN	25/8/1987	796	Đ/c Võ Chí Công	UBND tỉnh Nghệ Tĩnh	Bằng/ Huy hiệu	Bị mất hiện vật gốc
4	Huy chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất	Ông Phạm Ngọc Hiến	Xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	88/KT-CTN	15/12/1997	293	Đ/c Trần Đức Lương	UBND tỉnh Nghệ Nghệ An	Bằng/ Huy hiệu	Bị mất hiện vật gốc
Tổng cộng 04 trường hợp										

Nghệ An, ngày 11 tháng 6 năm 2026

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

